TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Quang Hoạch.

2. Ông Tạ Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 1988.
HKTT: Ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: Số 65/4, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Ông Phạm Viết T, sinh năm 1985.
HKTT: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: Số 65/4, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày:

Bà và ông Phạm Viết T tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/5/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống với nhau được một thời gian đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông T không lo làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu rồi về kiếm chuyện gây sự với tôi và có những lời nói, hành vi đe dọa tới tính mạng, sức khỏe của bà. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng khi giữa bà và ông T có con chung và xảy ra bất hòa trong cách nuôi dạy, chăm sóc con. Vợ chồng thường

xuyên xảy ra cãi vã. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Viết T mà không tiến hành hòa giải thêm nữa.

Về con chun: Bà và ông T có 01 con chung là cháu Phạm Lê Gia K, sinh ngày 31/10/2017. Hiện nay cháu K đang sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con; tạm thời bài không yêu cầu ông T đóng góp cho tôi tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Viết T trình bày:

Ông và bà Lê Thị X tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/5/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông thừa nhận thường xuyên ăn nhậu về to tiếng cãi vã với bà X . Mâu thuẫn trở nên trầm trọng khi giữa ông và bà X có con chung và xảy ra bất hòa trong cách nuôi dạy, chăm sóc con. Nay bà X yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn yêu thương vợ con và ông muốn bà X cho ông cơ hội để khắc phục những khuyết điểm của mình.

Về con chung: Ông và bà X có 01 con chung là cháu Phạm Lê Gia K, sinh ngày 31/10/2017. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu K cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị X. Cho bà Lê Thị X được ly hôn với ông Phạm Viết T.

Về con chung: Bà X và ông T có Chúng tôi có 01 con chung là cháu Phạm Lê Gia K, sinh ngày 31/10/2017. Giao cháu K cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông T sẽ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Đương sự khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà X phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Quá trình làm việc cả bà X và ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X và ông Phạm Viết T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014 và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà X và ông T xác định vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Nay bà X yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì ông còn thương yêu vợ con và mong muốn bà X cho ông cơ hội.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập các bên để hòa giải đoàn tụ nhưng đều các bên đều xin vắng mặt, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà X được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà X và ông T có 01 con chung là cháu Phạm Lê Gia K, sinh ngày 31/10/2017. Ly hôn bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K. Quá trình làm việc, ông T cũng đồng ý giao cháu K cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét thấy việc thỏa thuận của các bên là phù hợp, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao cháu Phạm Lê Gia K cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà X không có yêu cầu nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Viết T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà X và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà X và ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị X được ly hôn với ông Phạm Viết T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Gia K, sinh ngày 31/10/2017 cho bà Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Nguyễn Viết T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Viết T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà X và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà X và ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thị X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0000881 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Bà X đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị X, ông Phạm Viết T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 51/2014 ngày 19/5/2014);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tâm